

ĐỀ 13

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Chọn kết quả đúng.

Số đo ba góc \hat{A} , \hat{B} , \hat{C} của tam giác ABC tỉ lệ thuận với các số 3; 4; 5. Số đo ba góc \hat{A} , \hat{B} , \hat{C} lần lượt là :

- A. 40° ; 55° ; 85° B. 45° ; 60° ; 75°
C. 45° ; 65° ; 70° D. 50° ; 60° ; 70° .

Câu 2. Biết x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Điền số thích hợp vào ô trống trong bảng sau :

x	-0,5	1	1,6		
y			5	16	20

Câu 3. Biết x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch, khi $x = 6$ thì $y = -8$. Khi $x = -12$ thì giá trị tương ứng của y là :

- A. 4 B. -4 C. 9 D. 12.

Câu 4. Chọn kết quả đúng.

Cho hàm số $y = f(x) = 3x^2 + \frac{1}{5}$. Giá trị của hàm số tại $x = \frac{1}{3}$ là :

- A. $\frac{6}{5}$ B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{-7}{10}$.

Câu 5. Chọn câu nhất hiệu sai.

Câu 5. Chọn câu phát biểu sai.

Cho hàm số $y = \frac{-1}{2}x$ (1)

A. Điểm M $(1; \frac{-1}{2})$ thuộc đồ thị của hàm số (1).

B. Điểm N $(\frac{-3}{2}; \frac{3}{4})$ thuộc đồ thị của hàm số (1).

C. Điểm P $(0; \frac{-1}{2})$ thuộc đồ thị của hàm số (1).

D. Điểm Q(3; -6) không thuộc đồ thị của hàm số (1).

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Biết độ dài các cạnh của một tam giác tỉ lệ với 6; 8; 10.

Tính độ dài mỗi cạnh của tam giác đó, biết rằng cạnh lớn nhất dài hơn cạnh nhỏ nhất là 8m.

Bài 2. (2,5 điểm) Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 55 km/h và trở về A với vận tốc 45 km/h. Cả đi và về mất 10 giờ. Tính quãng đường AB ?

Bài 3. (2,5 điểm)

a) Đánh dấu các điểm A(1; 3), B(-2; -6) trên mặt phẳng tọa độ Oxy. Chứng tỏ ba điểm O, A, B thẳng hàng.

b) Vẽ đồ thị hàm số $y = -2x$.